CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Bệnh viện tim Tâm Đức

Ngày 31/12/2024	70,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.1%	**25.1%**	**-3.0%**

DT thuần
Q4/24
212
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 12.0| 6.0%
YoY: ▲ 24.0| 12.8%

LN thuần
Q4/24
29.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.00| 7.6%
YoY: ▲ 8.60| 42.3%

LN sau thuế
Q4/24
26.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.80| 7.5%
YoY: ▲ 7.50| 40.4%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
12.2%
YoY: +/-▼ 0.4%

ROE
2024
26.9%
YoY: +/-▼ 1.9%

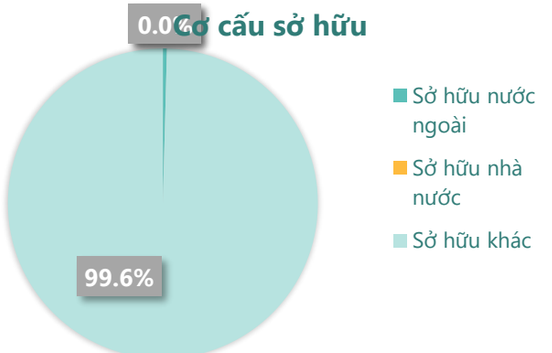
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	52,894 - 81,114
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,096
Số lượng CPLH (CP)	15,552,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	115
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	0.74
EPS	5,419
P/E	13.0

DT thuần
2024
778
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 37.0| 5.0%

LN thuần
2024
92.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.50| 0.6%

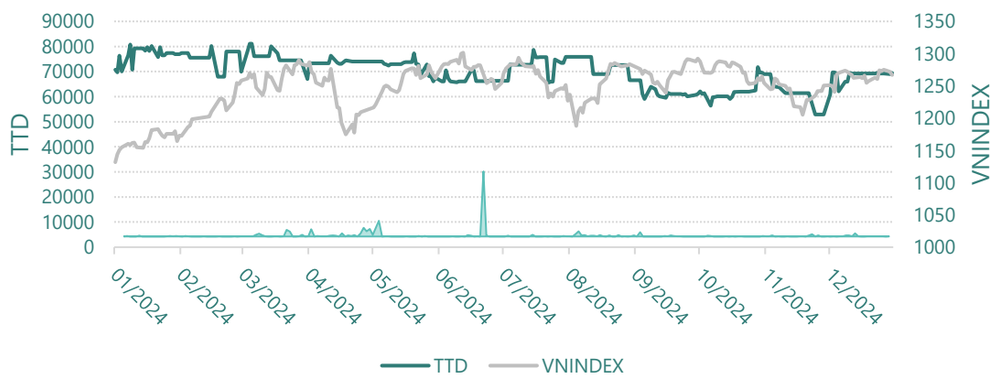
LN sau thuế
2024
84.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.20| 1.4%

Cơ cấu sở hữu

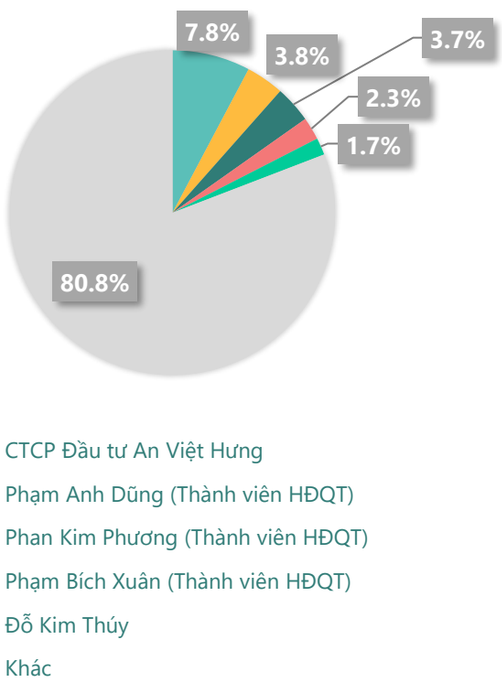


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



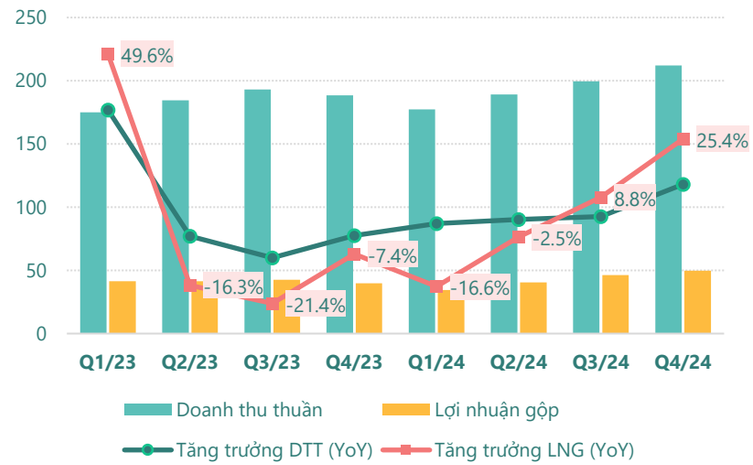
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

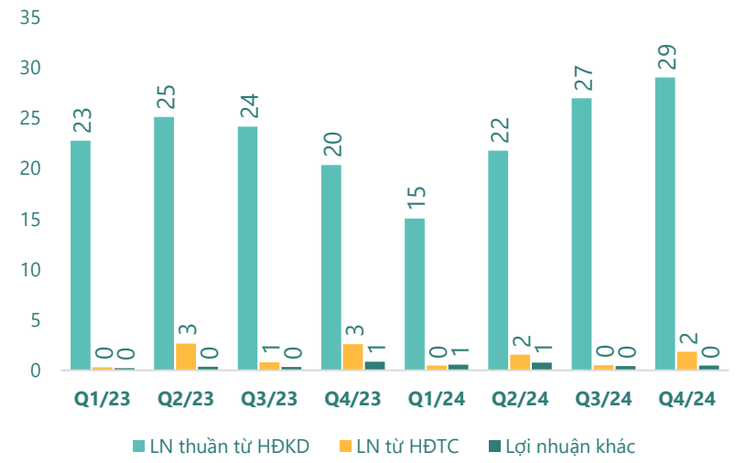
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



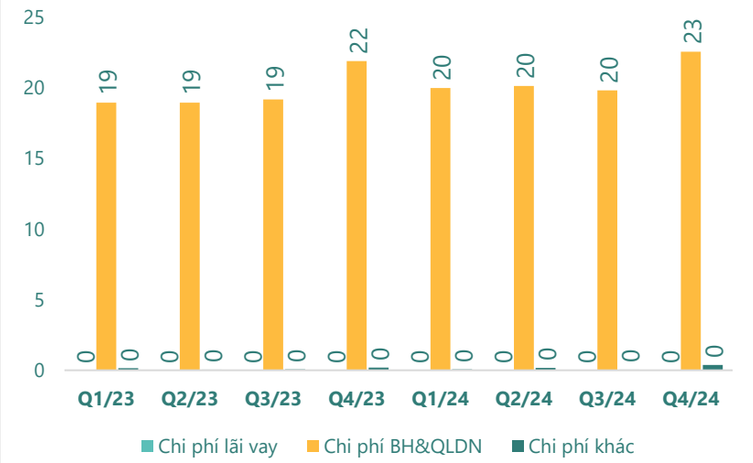
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



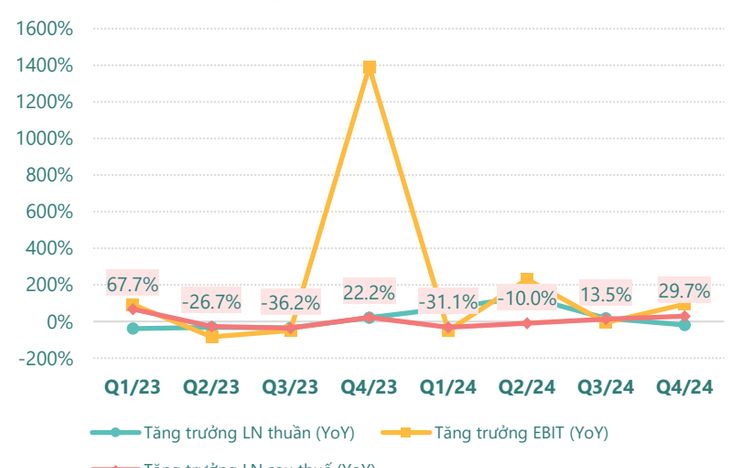
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



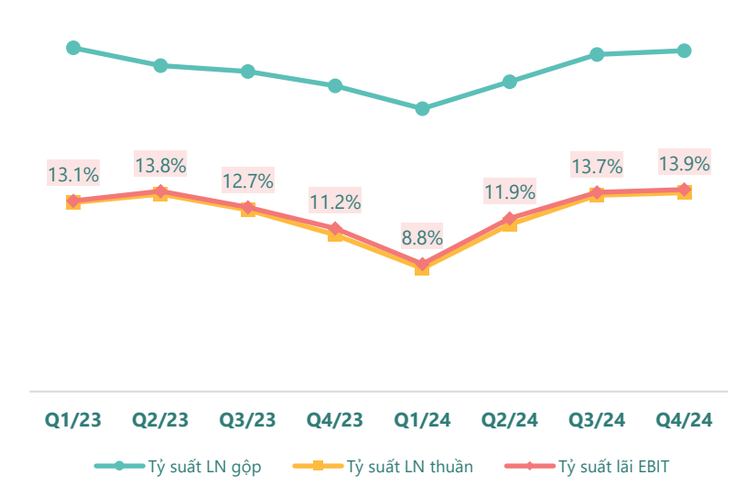
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



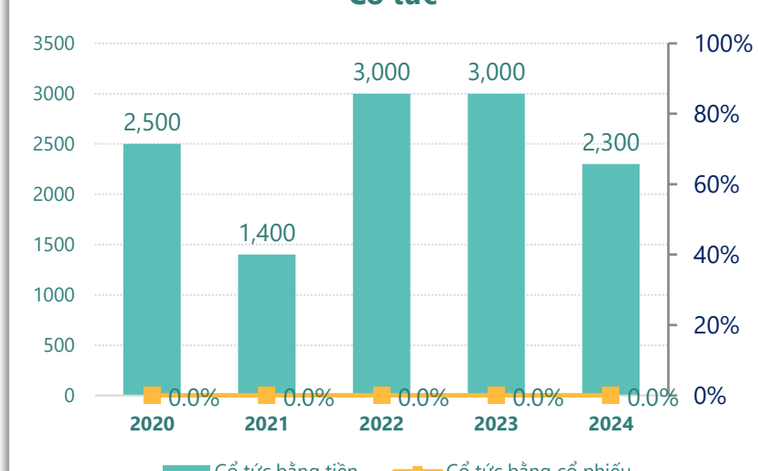
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

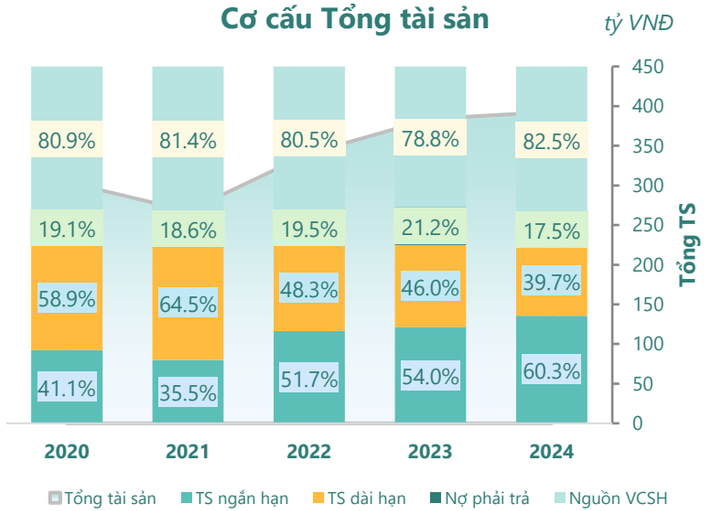
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

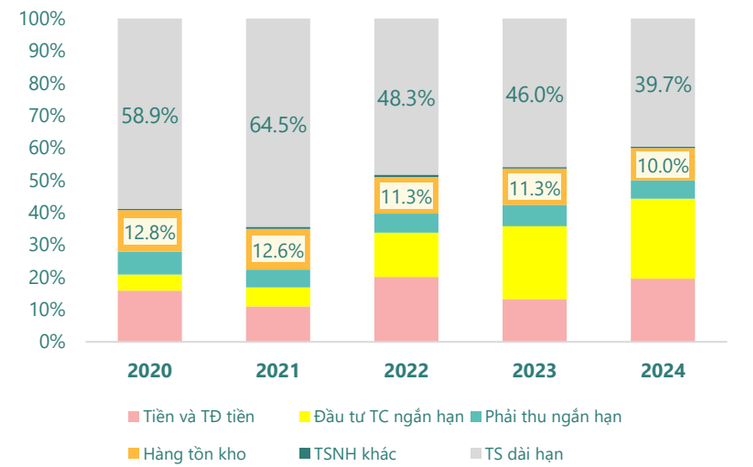
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



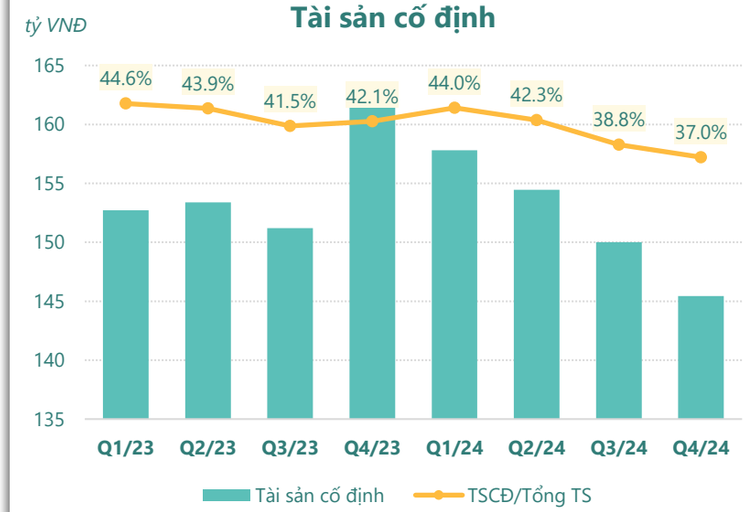
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



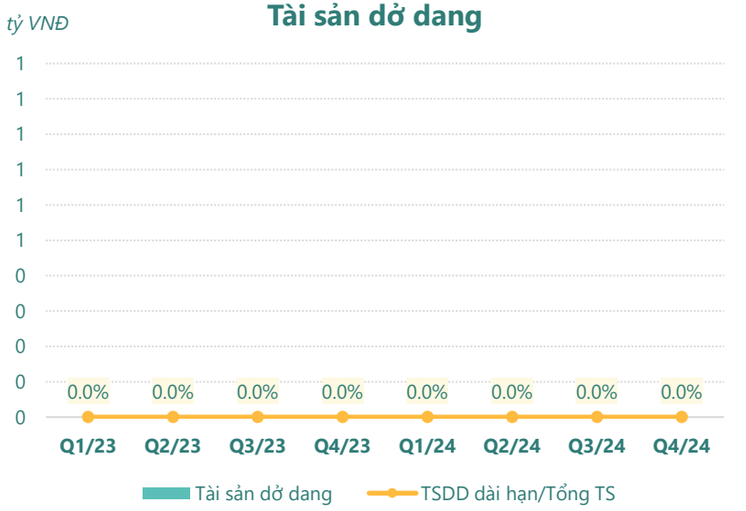
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



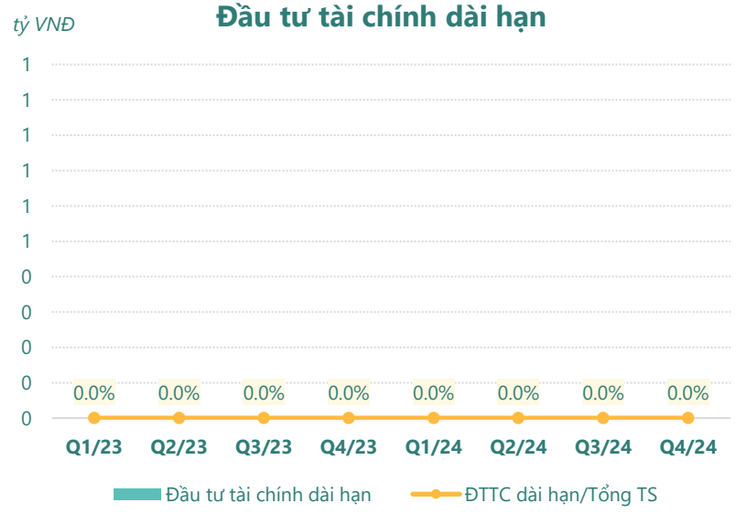
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



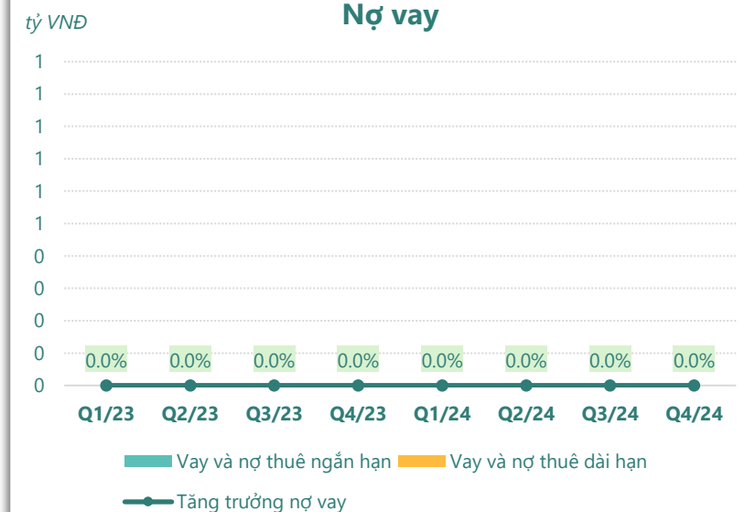
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

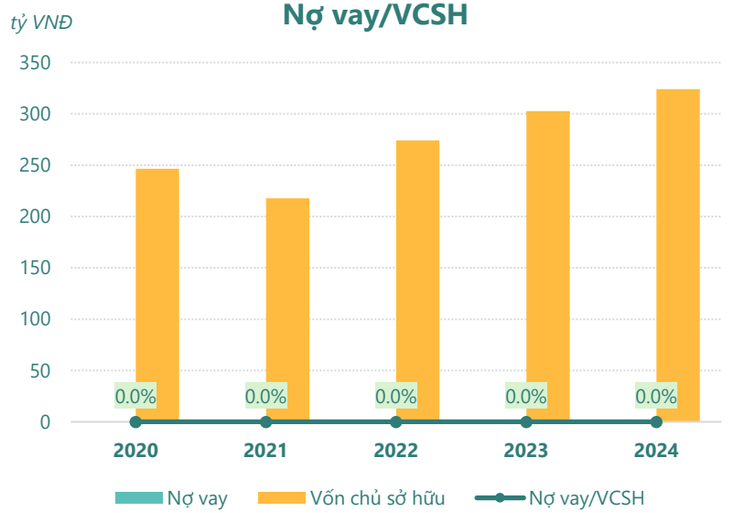
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

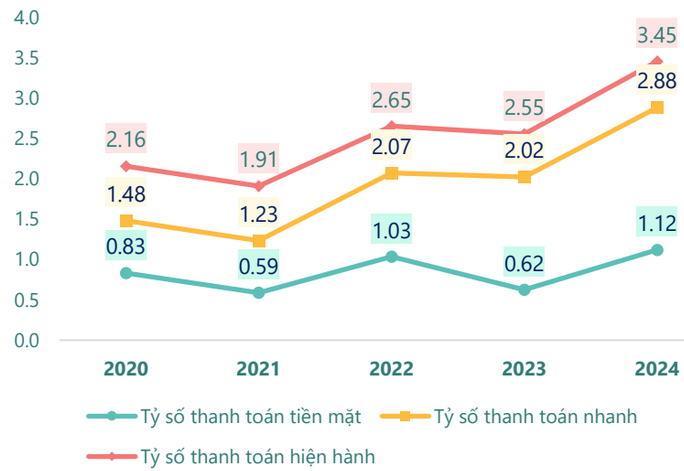
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



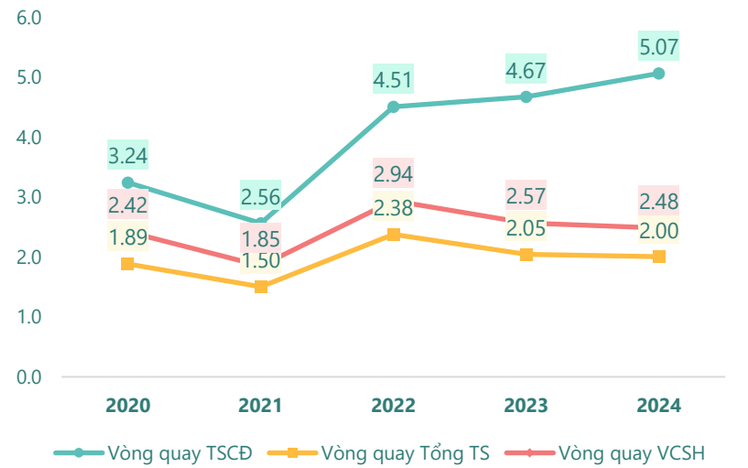
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



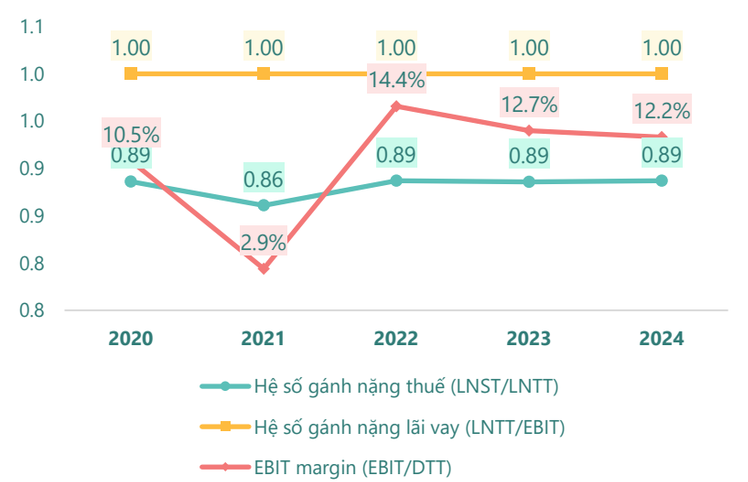
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



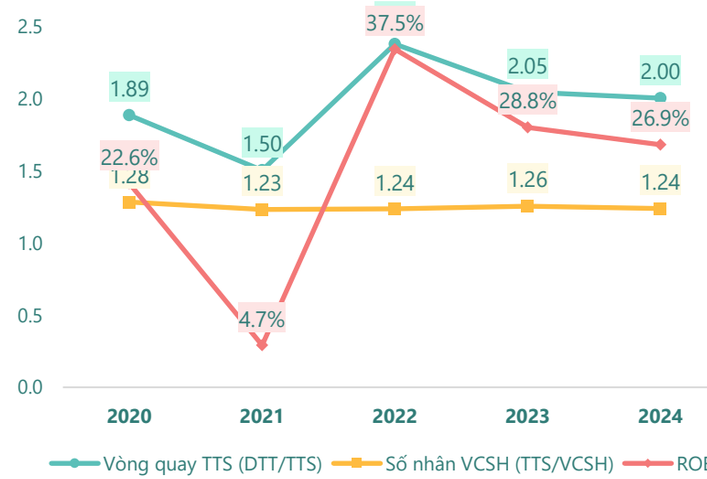
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



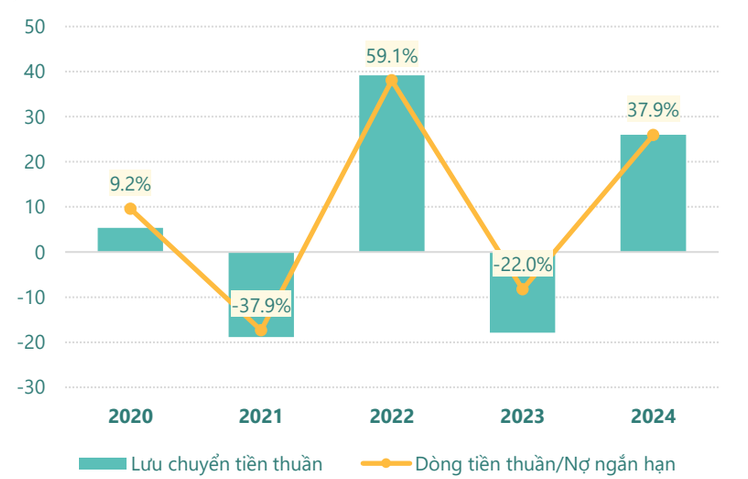
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**212**	**188**	**12.8%**	**778**	**741**	**5.0%**
Giá vốn hàng bán	162	149	8.9%	607	576	5.4%
Lợi nhuận gộp	49.8	39.7	25.4%	171	165	3.6%
Doanh thu HĐTC	1.85	2.59	-28.7%	4.34	6.33	-31.4%
Chi phí TC	0.01	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	4.09	4.09	0.1%	15.8	15.5	1.6%
Chi phí QLDN	**18.5**	**17.8**	**3.8%**	**66.8**	**63.6**	**5.0%**
LN thuần từ HĐKD	29.0	20.4	42.3%	92.8	92.3	0.6%
Lợi nhuận khác	**0.46**	**0.83**	**-44.4%**	**2.19**	**1.47**	**48.8%**
LN trước thuế	29.5	21.2	39.2%	95.0	93.8	1.3%
Lợi nhuận sau thuế	**26.1**	**18.6**	**40.4%**	**84.3**	**83.1**	**1.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**26.1**	**18.6**	**40.4%**	**84.3**	**83.1**	**1.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	26.5	15.5	10.8	25.7	36.5	22.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-13.7	-9.70	20.0	-5.11	-15.2	-15.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-16.3	-0.28	-16.1	-21.1	-16.5	-0.07
Tiền đầu kỳ	48.6	45.1	50.7	65.4	65.0	69.9
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.52**	**5.52**	**14.8**	**-0.51**	**4.84**	**6.89**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.09	0	0.12	0	-0.01
Tiền cuối kỳ	45.1	50.7	65.4	65.0	69.9	76.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**393**	**384**	**2.3%**
Tài sản ngắn hạn	237	207	14.2%
Tiền và tương đương tiền	76.8	50.7	51.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	97.1	86.5	12.2%
Phải thu ngắn hạn	22.3	25.2	-11.8%
Hàng tồn kho	39.3	43.3	-9.3%
Tài sản ngắn hạn khác	1.55	1.67	-7.2%
Tài sản dài hạn	**156**	**176**	**-11.7%**
Phải thu dài hạn	0.02	0.02	0.0%
Tài sản cố định	145	162	-10.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**10.3**	**14.6**	**-29.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	68.6	81.2	-15.5%
Nợ ngắn hạn	**68.6**	**81.2**	**-15.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	43.3	53.0	-18.3%
Nợ dài hạn	0.03	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**324**	**303**	**7.1%**
Vốn chủ sở hữu	**324**	**303**	**7.1%**
Vốn điều lệ	156	156	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)